

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 141

LUẬN VỀ CHẤP THỌ (Phần 5)

Bốn Niệm trú:

1. Thân niệm trú.
2. Thọ niệm trú.
3. Tâm niệm trú.
4. Pháp niệm trú.

Nhưng Niệm trú này nói chung chỉ là một, đó là một tự tánh của Tuệ trong tâm sở, Tuệ căn trong Căn, Tuệ lực trong Lực, Trạch pháp giác chi trong Giác chi, Chánh kiến trong Đạo chi. Hoặc là phân làm hai, đó là hữu lậu-vô lậu. Hoặc là phân làm ba, đó là hạ-trung-thượng. Hoặc là phân làm bốn, đó là hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc. Hoặc là phân làm năm, đó là hệ thuộc ba cõi và Học-Vô học. Cho đến nếu dùng sát-na nối tiếp nhau để phân biệt sai khác thì có vô lượng.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn ở trong nghĩa này, ít thì tách ra-nhiều thì hợp lại, chỉ nói là bốn loại?

Đáp: Đức Phật dựa vào hành tướng-sở duyên của Chánh tuệ, thô-tế không giống nhau mà kiến lập bốn loại.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao trong kinh nói quán xét trong- ngoài đều có mười hai loại khác nhau?

Đáp: Không vượt quá bốn cho nên chỉ nói bốn loại. Như cây bảy lá- Dụ Lưu bảy đời, pháp ấy cũng như vậy.

Hỏi: Thế này là Tuệ, vì sao Đức Thế Tôn nói là Niệm trú?

Đáp: Tuệ do Niệm lực mà có thể trú trong sở duyên, cho nên gọi là Niệm trú; hoặc là Tuệ lực này khiến cho Niệm trú trong cảnh, cho nên gọi là Niệm trú. Hai loại này đối với cảnh lần lượt chuyển đổi giúp đỡ nhau mạnh hơn pháp khác, cho nên nói là Niệm trú. Giải thích rộng

về Niệm trú, như nơi khác nói.

Bốn Chánh đoạn:

1. Đối với pháp ác bất thiện đã sinh làm cho phải đoạn trừ, phát sinh mong muốn thiết tha-thâu nhiếp tâm-giữ gìn tâm.

2. Đối với pháp ác bất thiện chưa sinh làm cho không sinh ra, còn lại nói như trước.

3. Đối với pháp thiện chưa sinh làm cho phải sinh ra, còn lại nói như trước.

4. Đối với pháp thiện đã sinh làm cho được an trú không quên, tu dưỡng thêm làm cho tăng rộng, còn lại nói như trước.

Nhưng Chánh đoạn này nói chung làm một, đó là một Thể của Tinh tiến trong tâm sở, Tinh tiến căn trong Căn, Tinh tiến lực trong Lực, Tinh tiến giác chi trong Giác chi, Chánh tinh tiến trong Đạo chi. Hoặc là phân làm hai, đó là hữu lậu-vô lậu. Hoặc là phân làm ba, đó là hạ-trung-thượng. Hoặc là phân làm bốn, đó là hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc. Hoặc là phân làm năm, đó là hệ thuộc ba cõi và Học-Vô học. Cho đến nếu dùng sát-na nối tiếp nhau để phân biệt sai khác thì có vô lượng.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn ở trong nghĩa này, ít thì tách ra-nhiều thì hợp lại, chỉ nói là bốn loại?

Đáp: Một Thể của Tinh tiến ở trong sát-na, có tác dụng không giống nhau mà kiến lập bốn loại, nghĩa là bởi vì đối với pháp ác đã sinh-chưa sinh thì đoạn trừ và không sinh ra, lại bởi vì đối với pháp thiện chưa sinh-đã sinh thì sinh ra và làm tăng rộng. Như ngọn đèn trong một niệm có bốn tác dụng sai biệt, đó là bắc đèn cháy-dầu khô cạn-đồ đựng nóng lên-bóng tối không còn; pháp ấy cũng như vậy.

Hỏi: Luận về Pháp Uẩn... nói: “Đoạn trừ pháp ác bất thiện đã sinh, thì có đủ bốn loại, nghĩa là đối với pháp ác bất thiện đã sinh làm cho phải đoạn trừ, phát sinh mong muốn thiết tha-thâu nhiếp tâm-giữ gìn tâm, đó là phần vị đoạn trừ pháp ác bất thiện đã sinh, cũng có thể làm cho pháp ác bất thiện ấy chưa sinh sẽ không sinh ra, lại làm cho pháp thiện chưa sinh sẽ được sinh ra-đã sinh thì an trú... Cho đến nói là tu pháp thiện đã sinh làm cho an trú... cũng có đủ bốn loại, nghĩa là đối với pháp thiện đã sinh làm cho được an trú không quên, tu dưỡng thêm làm cho tăng rộng, phát sinh mong muốn thiết tha-thâu nhiếp tâm-giữ gìn tâm, đó là phần vị tu dưỡng các pháp thiện đã sinh, cũng có thể làm cho pháp ác bất thiện đã sinh ấy phải đoạn trừ, chưa sinh sẽ không sinh ra, lại làm cho pháp thiện chưa sinh sẽ được sinh ra.” Như vậy thì thành mười sáu Chánh đoạn, vì sao ở đây chỉ nói là bốn?

Đáp: Dựa vào ý thích của người tu hành, đến phần vị gia hạnh cho nên đưa ra cách nói này, nghĩa là người ấy vào lúc trước đây khởi lên một ý thích, đến phần vị gia hạnh thì có đủ bốn loại. Như vậy dựa vào bốn loại ý thích ấy, đến phần vị gia hạnh cho nên đưa ra cách nói này. Nhưng lúc gia hạnh cũng chỉ có bốn loại, bởi vì không vượt quá bốn cho nên chỉ nói bốn loại. Như do ý thích gia hạnh mà nói, như vậy do tiến vào gia hạnh mà nói, do dựa vào gia hạnh mà nói, do thắng giải gia hạnh mà nói, nên biết cũng như vậy.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Bốn loại này vì sao nói là Chánh đoạn?

Đáp: Bởi vì bốn loại này có năng lực đoạn trừ đích thực.

Hỏi: Hai loại trước thì có thể như vậy, hai loại sau thì thế nào?

Đáp: Lấy loại đầu làm tên gọi, cho nên không có gì sai. Hoặc là bốn loại này đều có nghĩa của Đoạn, đó là hai loại trước đoạn bỏ chướng ngại của phiền não, hai loại sau đoạn bỏ chướng ngại của hiểu biết, bởi vì lúc tu pháp thiện thì đoạn bỏ sự hiểu biết về pháp, cho nên tạm thời Đoạn-vĩnh viễn Đoạn đều gọi là Đoạn. Có nơi nói loại này gọi là Chánh thắng, bởi vì thúc đẩy phát khởi không trái ngược để thành tựu việc làm tốt đẹp.

Hỏi: Ác và bất thiện sai biệt thế nào?

Đáp: Ác nghĩa là hữu phú vô ký, bất thiện nghĩa là các loại bất thiện.

Có người đưa ra cách nói này: Ác nghĩa là pháp nhiễm phần ít của cõi Dục và cõi Sắc-Vô sắc, bất thiện nghĩa là pháp nhiễm phần nhiều của cõi Dục.

Có người nói: Ác nghĩa là Thân kiến-Biên kiến của cõi Dục, bất thiện nghĩa là các phiền não khác của cõi Dục.

Hỏi: Vì sao pháp ác bất thiện đã sinh thì nói là làm cho đoạn trừ, chưa sinh thì nói là làm cho không sinh ra?

Đáp: Đã sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì đã có tác dụng cho nên nói là làm cho đoạn trừ; chưa sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì chưa có tác dụng cho nên nói là làm cho không sinh ra.

Có người nói: Đã sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì đã ngăn cản Thánh đạo cho nên nói là làm cho đoạn trừ; chưa sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì chưa ngăn cản Thánh đạo cho nên nói là làm cho không sinh ra.

Có người nói: Đã sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi

vì đã chọn lấy quả-mang lại quả cho nên nói là làm cho đoạn trừ; chưa sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì chưa chọn lấy quả-mang lại quả cho nên nói là làm cho không sinh ra.

Có người nói: Đã sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì đã chọn lấy quả Đẳng lưu-quả Dị thực cho nên nói là làm cho đoạn trừ; chưa sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì chưa chọn lấy quả Đẳng lưu-quả Dị thực cho nên nói là làm cho không sinh ra.

Có người nói: Đã sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì đã đền đáp với nhân Đồng loại-Biến hành cho nên nói là làm cho đoạn trừ; chưa sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì chưa đền đáp với nhân Đồng loại-Biến hành cho nên nói là làm cho không sinh ra.

Có người nói: Đã sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì đã đốt cháy-đã não hại cho nên nói là làm cho đoạn trừ; chưa sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì chưa đốt cháy-chưa não hại cho nên nói là làm cho không sinh ra.

Có người nói: Đã sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, đã làm thành chê trách, đã làm thành dơ bẩn, đã làm thành dính mắc, đã rơi vào ác ý, cho nên nói là làm cho đoạn trừ; chưa sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì chưa làm thành chê trách, chưa làm thành dơ bẩn, chưa làm thành dính mắc, chưa rơi vào ác ý, cho nên nói là làm cho không sinh ra.

Hỏi: Những pháp thiện đã tu, hễ sinh ra bao nhiêu thì diệt đi bấy nhiêu, không có pháp nào sinh rồi mà có nghĩa dừng lại quá một sát-na, làm sao lại nói là đối với pháp thiện đã sinh làm cho được an trú không quên, tu dưỡng thêm làm cho tăng rộng?

Đáp: Nên biết trong này nói về pháp thiện thuộc hai phần, đó là phần thuận theo Trú, phần thuận theo Thắng tiến. Làm cho được an trú không quên là nói về phần thuận theo Trú, khiến tu dưỡng thêm làm cho tăng rộng là nói về phần thuận theo Thắng tiến, cùng dựa vào sự nối tiếp nhau lần lượt chuyển đổi thắng tiến mà nói là an trú..., cho nên không có gì sai.

Có người nói: Trong này nói về pháp thiện thuộc ba phẩm, đó là Hạ-Trung-Thượng. Làm cho được an trú không quên, là nói dựa vào căn thiện thuộc phẩm Hạ chuyển đến phẩm Trung; khiến tu dưỡng thêm làm cho tăng rộng, là nói dựa vào căn thiện thuộc phẩm Trung chuyển đến phẩm Thượng. Tuy một sát-na sinh rồi liền diệt, mà dựa vào sự nối tiếp nhau cho nên đưa cách nói này.

Chánh đoạn này ở cõi Dục có bốn, ở cõi Sắc-Vô sắc cũng như

vậy.

Hỏi: Cõi Dục có pháp ác bất thiện thì có thể nói là có bốn, vì sao cõi trên cũng nói là bốn?

Đáp: Cõi ấy tuy lỗi lầm tai họa không đầy đủ, mà có đủ công đức của cõi ấy.

Có người nói: Cõi ấy tuy không có sự đối trị tự động mà có sự đối trị tự động.

Hỏi: Địa Vị chí thì có thể như vậy, địa trên thì thế nào?

Đáp: Có nhiều loại đối trị, nghĩa là đối trị thuộc về xả bỏ, đối trị thuộc về đoạn trừ, đối trị thuộc về giữ gìn, đối trị thuộc về phần xa, đối trị thuộc về chán ngán hư hoại; địa trên tuy không có đối trị thuộc về xả bỏ và đoạn trừ, mà có những đối trị khác.

Hỏi: Tĩnh lự thì có thể như vậy, Vô sắc thì thế nào?

Đáp: Vô sắc tuy không có đối trị thuộc về hư hoại, mà có đối trị thuộc về giữ gìn và phần xa.

Chánh đoạn này ở phần vị Học-Vô học đều có đủ bốn loại.

Hỏi: Phần vị Học thì có thể như vậy, bởi vì có pháp ác bất thiện, phần vị Vô học thì thế nào?

Đáp: Phần vị Vô học tuy không có lỗi lầm tai họa mà có công đức.

Có người nói: Phần vị Vô học tuy không có sự đối trị tự động mà có sự đối trị tự động, đó là nhiều loại đối trị như trước nói, phần vị Vô học tuy không có đối trị thuộc về xả bỏ và đoạn trừ, mà có những loại khác.

Hỏi: Duyên với Niết-bàn thì Tinh tiến thuộc về Chánh đoạn nào?

Đáp: Có người nói: Thuộc về Chánh đoạn thứ nhất, bởi vì Đoạn tức là Niết-bàn.

Có người nói: Thuộc về Chánh đoạn thứ hai, bởi vì Niết-bàn là không sinh.

Có người nói: Thuộc về Chánh đoạn thứ ba, bởi vì lúc duyên với Niết-bàn thì pháp thiện phát sinh.

Có người nói: Thuộc về Chánh đoạn thứ tư, bởi vì lúc duyên với Niết-bàn thì pháp thiện tăng thêm.

Nói như vậy thì thuộc về bốn Chánh đoạn, bởi vì lúc duyên với Niết-bàn thì làm thành bốn sự việc, đó là lúc duyên với tánh Trạch diệt của các pháp, thì khiến cho tất cả các pháp ác bất thiện đã sinh phải đoạn trừ, chưa sinh thì sẽ không sinh ra, và khiến cho tất cả các pháp

thiện thuộc thế gian-xuất thế gian chưa sinh thì sẽ sinh ra, đã sinh thì sẽ tăng rộng.

Bốn Thần túc:

1. Tam-ma-địa về Dục đoạn hành thành tựu thần túc.
2. Tam-ma-địa về Cần đoạn hành thành tựu thần túc.
3. Tam-ma-địa về Tâm đoạn hành thành tựu thần túc.
4. Tam-ma-địa về Quán đoạn hành thành tựu thần túc.

Hỏi: Vì sao gọi là Thần, vì sao gọi là Túc?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Tam-ma-địa gọi là Thần, bốn pháp như Dục... gọi là Túc. Bởi vì nhờ vào bốn pháp mà thâm nhiếp tiếp nhận làm cho Tam-ma-địa chuyển biến.

Hỏi: Đẳng trì cùng có nhiều pháp tương ứng, vì sao chỉ có bốn pháp này gọi là Thần túc?

Đáp: Bởi vì bốn pháp này đối với Đẳng trì tùy thuận mạnh hơn, nghĩa là ở trong pháp tương ứng cùng có, giúp đỡ thêm cho Đẳng trì thì bốn pháp này là mạnh hơn.

Lại có người nói: Tam-ma-địa là Thần cũng là Túc, bốn pháp như Dục... chỉ là Túc chứ không phải là Thần. Như Trạch pháp là Giác cũng là Chi, sáu pháp còn lại chỉ là Chi chứ không phải là Giác; Chánh kiến là Đạo cũng là Chi, bảy pháp còn lại là Chi chứ không phải là Đạo; lìa bỏ ăn không đúng lúc là Trai cũng là Chi, bảy pháp còn lại là Chi chứ không phải là Trai; pháp ấy cũng như vậy.

Hỏi: Nếu Tam-ma-địa là Thần cũng là Túc thì hoặc là nên thiết lập một, hoặc là nên thiết lập năm, vì sao nói là bốn?

Đáp: Chỉ riêng Tam-ma-địa thiết lập làm Thần túc, bởi vì từ bốn nhân mà sinh ra cho nên nói là bốn, nghĩa là phần vị gia hạnh, hoặc là do lực của Dục dẫn dắt phát khởi Đẳng trì khiến cho nó hiện khởi, nói rộng ra cho đến hoặc là do lực của Quán dẫn dắt khiến cho hiện khởi. Do phần vị gia hạnh mà bốn pháp tăng theo, khiến cho Đẳng trì phát khởi mà đạt được phần vị của Định, cho nên đối với một Đẳng trì kiến lập bốn loại.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Bốn pháp này vì sao nói là Thần túc?

Đáp: Là do sự suy nghĩ cầu mong các nguyện ước mong muốn, tất cả được như ý cho nên gọi là Thần, dẫn dắt phát khởi do Thần cho nên gọi là Thần túc. Nhưng sự Thần dụng này tóm lược có hai loại:

1. Do sự vui mừng của thế tục.
2. Do sự ưa thích của Thánh giả.

Nếu phân một làm nhiều, hợp nhiều thành một, thì những loại này gọi là do sự vui mừng của thế tục. Nếu đối với những sự việc vừa ý của thế gian, không trú vào Tưởng tùy thuận; đối với những sự việc không vừa ý của thế gian, không trú vào Tưởng trái ngược; đối với những sự việc vừa ý-không vừa ý, an trú vào Xả, suy nghĩ đúng đắn-nhận biết đúng đắn, thì những loại này gọi là do sự ưa thích của Hiền Thánh.

Lại có ba loại Thần dụng:

1. Vận chuyển thân.
2. Thắng giải.
3. Thế lực của ý.

Thần dụng của sự vận chuyển thân, đó là toàn thân vút lên hư không giống như chim bay, cũng như Tiên bay đã họa trên bức tường. Thần dụng của sự thắng giải, đó là đối với xa tách ra làm thành gân, nhờ vào lực của pháp này; hoặc là ở châu này đưa tay sờ mặt trăng-mặt trời, hoặc là trong khoảng co duỗi cánh tay đã đi đến cõi trời Sắc Cứu Cánh. Thần dụng do thế lực của ý, đó là Nhãn thức lên đến cõi Hữu Đảnh, hoặc là lên đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, hoặc là vượt ngang qua vô số thế giới.

Hỏi: Ba loại Thần dụng này, ai thành tựu mấy loại?

Đáp: Có người nói: Thanh văn thành tựu một loại, đó là vận chuyển thân; Độc giác thành tựu hai loại, trừ ra thế lực của ý; chỉ riêng Phật Thế Tôn thành tựu đầy đủ ba loại.

Có người nói: Di sinh thành tựu một loại, đó là vận chuyển thân; Nhị thừa thành tựu hai loại, trừ ra thế lực của ý, nhưng Thanh văn do vận chuyển thân mà hiện bày, Độc giác do ý hiểu rõ mà hiển bày; Phật thành tựu đầy đủ ba loại, do thế lực của ý mà hiển bày.

Hoặc lại có năm loại Thần dụng:

1. Nghiệp.
2. Dị thực.
3. Biến hiện.
4. Đức đầy đủ.
5. Phát tâm.

Thần dụng của nghiệp, đó là như Trung hữu... Thần dụng của dị thực, đó là như các loài chim bay... Thần dụng của biến hiện, đó là dựa vào Tĩnh lực, phân một làm nhiều, hợp nhiều làm một... Thần dụng của đức đầy đủ, đó là bốn Thần túc. Thần dụng của phát tâm, đó là trời rồng...

Trong này, trời đó là trời cõi Dục. Ở trong năm loại Thần dụng đã

nói, trong này nói về Thần dụng của đức đầy đủ.

Như trong kinh nói: “Tỳ kheo nên biết, Tam-ma-địa về Dục đoạn hành thành tựu tu đối với Thần túc, dựa vào lìa xa, dựa vào không nhiễm, dựa vào diệt, hồi hướng về xả. Tam-ma-địa về Cần, Tam-ma-địa về Tâm, Tam-ma-địa về Quán, nói cũng như vậy.”

Hỏi: Trong này nói thế nào gọi là lìa xa...?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Là Tam-ma-địa. Người ấy nói nếu duyên với Tam-ma-địa làm cảnh để tu đối với Thần túc, thì do hai duyên cho nên gọi là dựa vào lìa xa..., đó là bởi vì ý thích và bởi vì sở duyên. Nếu duyên với pháp khác làm cảnh để tu đối với Thần túc, thì chỉ do một duyên mà gọi là lìa xa, đó là bởi vì ý thích chứ không phải là bởi vì sở duyên.

Có Sư khác nói: Là Niết-bàn tịch diệt. Vị ấy nói nếu duyên với Niết-bàn tịch diệt làm cảnh để tu đối với Thần túc, thì do hai duyên cho nên gọi là dựa vào lìa xa..., đó là bởi vì ý thích và bởi vì sở duyên. Nếu duyên với pháp khác làm cảnh để tu đối với Thần túc, thì chỉ do một duyên mà gọi là dựa vào lìa xa ..., đó là bởi vì ý thích chứ không phải là bởi vì sở duyên.

Lại có người nói: Là Tam-ma-địa và Niết-bàn tịch diệt. Người ấy nói nếu duyên với hai pháp này làm cảnh để tu đối với Thần túc, thì do hai duyên cho nên gọi là lìa xa..., đó là bởi vì ý thích và bởi vì sở duyên. Nếu duyên với pháp khác làm cảnh để tu đối với Thần túc, thì chỉ do một duyên mà gọi là lìa xa..., đó là bởi vì ý thích chứ không phải là bởi vì sở duyên.

Nên biết trong này, dựa vào lìa xa đó là Tịch lự thứ nhất, dựa vào không nhiễm đó là Tịch lự thứ hai, dựa vào diệt đó là Tịch lự thứ ba, hồi hướng về xả đó là Tịch lự thứ tư.

Như trong kinh nói: “Tỳ kheo nên biết, như thế nào gọi là Thọ(tuổi thọ)? Đó là bốn Thần túc.”

Hỏi: Vì sao Thần túc lại nói là Thọ?

Đáp: Bởi vì pháp này là dựa vào Thọ không đoạn dứt, nghĩa là ở phần vị của Định thì Thọ chắc chắn không có đoạn dứt.

Có người nói: Bởi vì dựa vào pháp này lìa xa tai họa của Thọ, nghĩa là ở phần vị của Định thì lìa xa tai họa của Thọ.

Có người nói: Bởi vì dựa vào pháp này mà Thọ tự tại. Như trong kinh nói: “Nếu có Tỳ kheo-Tỳ kheo ni..., đối với bốn Thần túc hoặc tập-hoặc tu- hoặc tu tập nhiều, nếu người ấy mong cầu trú trong tuổi thọ một kiếp hoặc là hơn một kiếp, thì sẽ tùy ý tự tại.” Vì vậy cho nên nói

Thần túc là Thọ.

Như trong kinh nói: “Có một Phạm Chí, đi đến chỗ của Tôn giả A-nan-đà, dùng nhiều lời nói thân thiện hoan hỷ thăm hỏi xong, lùi về ngồi một bên, hỏi A-nan rằng: Vì sao ở nơi Sa-môn Kiều-đáp-ma thường xuyên tu phạm hạnh?”

Hỏi: Vì sao Phạm Chí đưa ra câu hỏi này?

Đáp: Phạm Chí ấy là bạn thân thời xưa của A-nan, biết rõ Tôn giả là người thuộc về hành ái, trước kia ở trong năm dục luôn luôn đắm say, cho nên đến thử xem là vì cầu đoạn bỏ ái mà tu phạm hạnh, hay là vì cầu dục lạc thù thắng mà tu phạm hạnh, vì vậy đưa ra câu hỏi ấy.

“A-nan trả lời rằng: Tôi vì đoạn bỏ ái cho nên thường xuyên tu phạm hạnh ở nơi Đức Phật.”

Hỏi: Thường xuyên tu phạm hạnh thì đoạn bỏ bảy tùy miên, vì sao chỉ nói là tôi vì đoạn bỏ ái?

Đáp: Tôn giả Khánh Hỷ cũng biết Phạm Chí là người thuộc về hành ái, đắm say các dục, bởi vì đưa đường dẫn lối, cho nên có ý nói nếu ông bị sự ràng buộc của ái mà muốn cầu lìa xa, thì hãy rời bỏ phép tắc trong gia đình họ hàng, đến nơi Đức Thế Tôn theo tôi thường xuyên tu phạm hạnh thanh tịnh. Vì vậy phương tiện trả lời là tôi vì đoạn bỏ ái.

“Bà-la-môn nói: Sa-môn Kiều-đáp-ma thật sự có dấu tích của Đạo có thể đoạn bỏ ái hay không? A-nan-đà nói: Thật sự có, đừng nghi ngờ, nếu ông đến tu thì nhất định có thể đoạn bỏ ái. Phạm Chí thỉnh cầu: Mong nói cho nghe điều ấy, khiến tâm tôi mở mang thì sẽ nghe theo lời khuyên. Tôn giả nói cho biết rằng: Chỉ có Đức Thế Tôn của tôi, thấy biết đúng như thật nói về bốn Thần túc, dựa vào đó tu tập sẽ mau chóng lìa xa sự ràng buộc của ái.”

Hỏi: Nếu có người nào có thể đối với ba mươi bảy loại pháp phần Bồ-đề như bốn Niệm trú..., tùy theo một loại mà tu tập thì đều có thể đoạn bỏ ái, vì sao chỉ nói là tu bốn Thần túc?

Đáp: Bởi vì pháp này là đối trị gần của Kiết ái, đó là người có ái thì rong ruổi phân tán các duyên, Đăng trì có thể làm đối trị gần của Kiết ấy.

“Phạm Chí lại nói: Như Nhân giả đã nói Thần túc vô biên, thì tu làm sao có thể hết được?”

Hỏi: Vì sao Phạm Chí đưa ra lời nói này?

Đáp: Ý của Phạm Chí nói Thế của bốn Thần túc này có khắp các phần vị Học-Vô học, pháp ấy chính là tu vô biên thì làm sao có thể tu

hết được, nếu không hết thì làm sao có thể đoạn bỏ ái?

“A-nan lại nói: Pháp này không phải là vô biên. Phạm Chí lại nói: Xin giải thích nói rõ cho nghe. A-nan bảo rằng: Nay tôi hỏi ông có thể tùy ý trả lời, ý ông nghĩ thế nào? Ông đã từng nảy sinh mong muốn đi vào khu vườn dạo chơi phải không? Phạm Chí nói không sai. Lại hỏi: Đi vào khu vườn đã dạo chơi ngắm nhìn rồi nảy sinh mong muốn quay về phải không? Phạm Chí nói không sai. Lại hỏi: Mong muốn đã nảy sinh trong hai thời gian lẽ nào không có khác nhau? Phạm Chí nói không sai. Tôn giả bảo rằng: Như ông nảy sinh mong muốn trong hai thời gian có khác nhau, một là mong muốn đi vào khu vườn, hai là mong muốn quay trở ra, như vậy Thần túc ở phần vị Học-Vô học, tất cả cũng không giống nhau, pháp tu của phần vị Học là mong muốn đoạn bỏ ái, pháp tu của phần vị Vô học là niềm vui trong pháp hiện tại, tùy theo pháp tu khác nhau chứ không phải nói là vô biên, vì sao Phạm Chí nói là tu không hết? Phạm Chí nghe rồi hoan hỷ phát tâm thuần tịnh, quay về xuất gia theo Đức Phật tu phạm hạnh.”

Năm Căn, đó là Tín căn-Tinh tiến căn-Niệm căn-Định căn và Tuệ căn. Năm Lực cũng như vậy. Năm pháp này tùy theo tên gọi, tức là đều lấy một loại trong tâm sở làm tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao năm loại này gọi là Căn, gọi là Lực?

Đáp: Có thể sinh ra pháp thiện cho nên gọi là Căn, có thể phá bỏ pháp ác cho nên gọi là Lực.

Có người nói: Không có thể làm cho nghiêng ngã thì gọi là Căn, có thể phá hủy lẩn át loại khác thì gọi là Lực.

Có người nói: Nghĩa về thế dụng tăng mạnh lên gọi là Căn, nghĩa về không thể nào khuất phục gọi là Lực. Nếu dùng phần vị để phân biệt thì phần vị dưới gọi là Căn, phần vị trên gọi là Lực. Nếu dùng Thật nghĩa thì trong mỗi phần vị đều có đủ hai loại. Giải thích rộng về hai loại này như nơi khác nói.

Bảy Giác chi:

1. Niệm giác chi.
2. Trạch pháp giác chi.
3. Tinh tiến giác chi.
4. Hỷ giác chi.
5. Khinh an giác chi.
6. Định giác chi.
7. Xả giác chi.

Trạch pháp tức là Tuệ, Hỷ tức là Hỷ căn, Xả gọi là Hành xả, bốn pháp còn lại như tên gọi tức là đều lấy một loại trong tâm sở làm tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao bảy loại này gọi là Giác chi?

Đáp: Giác đó là Giác cứu cánh, tức là Tận trí-Vô sinh trí; hoặc là Giác như thật, tức là Tuệ vô lậu. Bảy là thành phần của pháp ấy, cho nên gọi là Chi. Trạch pháp cũng là Giác-cũng là Chi, sáu pháp còn lại là Chi chứ không phải là Giác. Giải thích rộng về bảy loại này như nơi khác nói.

Tám Đạo chi, đó là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tiến, Chánh niệm, Chánh định.

Chánh kiến tức là Tuệ, Chánh tư duy tức là Tầm, Chánh ngữ-Chánh nghiệp-Chánh mạng tức là ba căn tùy tâm chuyển mà phát khởi Vô biểu của thân-ngữ. Ba loại còn lại như tên gọi tức là tánh thuộc tâm sở.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao tám loại này gọi là Đạo chi?

Đáp: Nơi đi lại thông suốt cho nên gọi là Đạo. Tám là thành phần của pháp ấy cho nên gọi là Chi. Chánh kiến cũng là Đạo-cũng là Chi, bảy pháp còn lại là Chi chứ không phải là Đạo. Tám loại này cũng như nơi khác nói rộng ra.

Bốn Tĩnh lự, đó là Tĩnh lự thứ nhất cho đến Tĩnh lự thứ tư.

Có người nói: Tĩnh lự tương ứng với Tầm-Hỷ-Lạc-Xả, như thứ tự là bốn. Pháp này có hai loại:

1. Tu đạt được.
2. Sinh đạt được.

Tu đạt được, tức là địa ấy thâm nhiếp tâm vào tánh của một cảnh, nếu cùng với bạn bè giúp đỡ thì năm uẩn làm tánh. Sinh đạt được, là tùy theo địa đã hệ thuộc năm uẩn khác làm tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Bốn loại này vì sao nói là Tĩnh lự?

Đáp: Tĩnh nghĩa là yên lặng vắng vẻ, Lự nghĩa là suy nghĩ tính toán. Trong bốn địa này có Định-Tuệ bình đẳng cho nên gọi là Tĩnh lự, địa khác hễ có thiếu hụt thì không có được tên gọi này. Bốn loại này phân biệt rộng như nơi khác nói

Bốn Vô lượng, đó là Từ-Bi-Hỷ-Xả. Từ nghĩa là tác ý tương ứng với mang lại niềm vui, lấy căn thiện không có Sân làm tánh. Bi nghĩa là tác ý tương ứng với trừ bỏ khổ đau, lấy căn thiện không có Sân làm

tánh. Có người nói: Lấy không Hại làm tánh. Hỷ nghĩa là tác ý tương ưng với thăm hỏi chúc mừng, lấy Hỷ căn làm tánh. Có người nói: Lấy vui mừng(hân) trong tâm sở thiện làm tự tánh. Xả nghĩa là tác ý tương ưng với bình đẳng, lấy căn thiện không có Tham làm tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là Vô lượng?

Đáp: Bởi vì bốn loại này duyên với vô lượng hữu tình, phát sinh vô lượng pháp thiện, dẫn đến vô lượng quả thù thắng. Nói rộng về bốn loại này, cũng như nơi khác nói.

Bốn Vô sắc, đó là Không vô biên xứ, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Pháp này cũng có hai loại:

1. Tu đạt được.
2. Sinh đạt được.

Tu đạt được, tức là địa ấy thâm nhiếp tâm vào tánh của một cảnh, nếu cùng với bạn bè giúp đỡ thì bốn uẩn làm tánh. Sinh đạt được, tức là địa ấy hệ thuộc bốn uẩn khác làm tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao bốn loại này gọi là Vô sắc?

Đáp: Bởi vì trong bốn địa này vượt lên trên tất cả các pháp có sắc, làm tổn hại đến tất cả các pháp có sắc, pháp có sắc ở địa này không có thể sinh khởi cho nên gọi là Vô sắc. Bốn loại này cũng như nơi khác nói rộng ra.

Tám Giải thoát:

1. Bên trong có sắc quán các sắc giải thoát.
2. Bên trong không có sắc tưởng quán sắc bên ngoài giải thoát.
3. Tịnh giải thoát Thân tác chứng cụ túc trú.
4. Không vô biên xứ giải thoát.
5. Thức vô biên xứ giải thoát.
6. Vô sở hữu xứ giải thoát.
7. Phi tưởng phi phi tưởng giải thoát.
8. Diệt thọ tưởng giải thoát Thân tác chứng cụ túc trú.

Trong này, ba loại trước lấy căn thiện không có Tham làm tánh, nếu cùng với bạn bè giúp đỡ thì năm uẩn làm tánh; bốn loại tiếp theo thì lấy bốn uẩn thiện gia hạnh của địa Căn bản ấy làm tánh. Có người nói: Cũng lấy tám đạo giải thoát trước của địa Cận phần ấy làm tánh. Giải thoát cuối cùng lấy Đăng chí Diệt tận làm tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là Giải thoát?

Đáp: Bởi vì giải thoát tất cả những gì có thể ngăn cản. Nghĩa còn lại như nơi khác nói rộng ra.

Tám Thắng xứ:

1. Bên trong có tưởng về sắc quán ít sắc bên ngoài, cho đến nói rộng ra.

2. Bên trong có tưởng về sắc quán nhiều sắc bên ngoài, cho đến nói rộng ra.

3. Bên trong không có tưởng về sắc quán ít sắc bên ngoài, cho đến nói rộng ra.

4. Bên trong không có tưởng về sắc quán nhiều sắc bên ngoài, cho đến nói rộng ra; quán về xanh-vàng-đỏ-trắng, lại làm thành bốn loại. Tám loại này đều lấy căn thiện không có Tham làm tánh, cho đến cùng với bạn bè giúp đỡ thì năm uẩn làm tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là Thắng xứ?

Đáp: Bởi vì làm cho sở duyên phải hàng phục và hủy diệt tham ái, cho nên gọi là Thắng xứ. Nghĩa phân biệt rộng ra như nơi khác nói.

Mười Biến xứ, đó là quán phân biệt về xanh-vàng-đỏ-trắng-địa-thủy-hỏa-phong, tức là tám loại trước, chín là Không vô biên xứ, mười là Thức vô biên xứ.

Trong này, tám loại trước lấy căn thiện không có Tham làm tánh, nếu cùng với bạn bè giúp đỡ thì năm uẩn làm tánh; hai Biến xứ sau thì lấy bốn uẩn thiện gia hạnh hữu lậu của địa ấy cùng phẩm Thắng giải ấy làm tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là Biến xứ?

Đáp: Sở duyên rộng khắp, Thắng giải vô biên cho nên gọi là Biến xứ. Nghĩa còn lại như nơi khác nói.

Tám Trí, đó là Pháp trí, Loại trí, Thế tục trí, Tha tâm trí, Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí; không phải là Tận trí và Vô sinh trí, bởi vì phần vị hạn chế.

Tám Trí này đều lấy Tuệ trong tâm sở pháp làm tự tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là Trí?

Đáp: Quán xét quyết định đối với pháp sở duyên, cho nên gọi là Trí. Nghĩa còn lại như nơi khác nói rộng ra.

Ba Đăng trì:

1. Không.

2. Vô nguyện.

3. Vô tướng.

Ba loại này đều lấy Tam-ma-địa trong tâm sở pháp làm tánh, gồm chung hữu lậu và vô lậu.

Trong này chỉ nói đến môn giải thoát vô lậu. Nếu đi cùng hai hành tướng là Không-Vô ngã, thì Đẳng trì vô lậu gọi là Tam-ma-địa Không. Nếu đi cùng mười hành tướng là Vô thường-Khổ-Nhân-Tập-Sinh-Duyên-Đạo-Như-Hành-Xuất, thì Đẳng trì vô lậu gọi là Tam-ma-địa Vô nguyện. Nếu đi cùng bốn hành tướng là Diệt-Tĩnh-Diệu-Ly, thì Đẳng trì vô lậu gọi là Tam-ma-địa Vô tướng.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là Đẳng trì?

Đáp: Giữ gìn tâm bình đẳng khiến cho tập trung vào một cảnh, bởi vì có sự thành tựu cho nên gọi là Đẳng trì. Nói rộng về ba loại này, như nơi khác phân tích.

Bốn quả Sa-môn:

1. Quả Dự lưu.

2. Quả Nhất lai.

3. Quả Bất hoàn.

4. Quả A-la-hán.

Bốn quả này đều lấy hai pháp làm tánh:

1. Vô vi.

2. Hữu vi.

Quả vô vi, đó là quả Dự lưu dùng Đoạn-Trạch diệt do kiến mà đoạn của ba cõi làm tánh; quả Nhất lai dùng Đoạn do kiến mà đoạn của ba cõi, và Đoạn-Trạch diệt thuộc sáu phẩm trước do tu mà đoạn của ba cõi, và Đoạn-Trạch diệt do tu mà đoạn của ba cõi; quả Bất hoàn dùng Đoạn-Trạch diệt do kiến-tu mà đoạn của ba cõi; quả A-la-hán dùng Đoạn-Trạch diệt do kiến-tu mà đoạn của ba cõi làm tánh.

Quả hữu vi, tùy theo sự thích hợp đều dùng năm uẩn vô lậu làm tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là quả Sa-môn?

Đáp: Dũng mãnh không ngừng trừ bỏ pháp nhiễm, đó gọi là Sa-môn; là do các Sa-môn đã dẫn đến-đã chứng được, đó gọi là quả Sa-môn. Loại này cũng như nơi khác nói rộng ra.

Năm Thông:

1. Thần cảnh trí thông.

2. Thiên nhãn trí thông.
3. Thiên nhĩ trí thông.
4. Tha tâm trí thông.
5. Túc trú tùy niệm trí thông. Năm loại này đều dùng Tuệ làm tự tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là Thông?

Đáp: Bởi vì đối với sở duyên của mình thông hiểu rõ ràng không trái ngược, hoạt dụng vi diệu không ngăn ngại gì cho nên gọi là Thông.

Cõi, bốn loại chỉ hệ thuộc cõi Sắc, Tha tâm trí thông hệ thuộc cõi Sắc và không hệ thuộc.

Địa, thì thuộc về địa Căn bản của bốn Tĩnh lực, không phải là Cận phần, không phải là Vô sắc. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì nếu địa có Tam-ma-địa thù thắng làm sở y của năm Thông, thì địa ấy có năm Thông; Cận phần và Vô sắc không có Tam-ma-địa thù thắng làm sở y của năm Thông, vì vậy ở đó không có các Thông này.

Có người nói: Nếu địa có Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na thâu nhiếp tiếp nhận bình đẳng, thì địa ấy có năm Thông; Cận phần và Vô sắc thiếu đi một loại tùy theo, cho nên không có năm Thông.

Sở y, đều dựa vào cõi Dục-Sắc.

Hành tướng, bốn loại chỉ là hành tướng không rõ ràng; Tha tâm trí thông, nếu như hữu lậu thì cũng là hành tướng không rõ ràng, nếu là vô lậu thì làm bốn hành tướng của Đạo.

Sở duyên, Thần cảnh trí thông duyên với cõi Dục-Sắc, hoặc là bốn Xứ, hoặc là hai Xứ; Thiên nhãn trí thông duyên với Sắc xứ của cõi Dục-Sắc; Thiên nhĩ trí thông duyên với Thanh xứ của cõi Dục-Sắc; Tha tâm trí thông duyên với tâm-tâm sở của cõi Dục-Sắc và không hệ thuộc; Túc trú tùy niệm trí thông duyên với năm uẩn của cõi Dục-Sắc.

Niệm trú, ba loại trước chỉ là Thân niệm trú, Tha tâm trí thông là ba Niệm trú trừ ra Thân, Túc trú tùy niệm trí thông chỉ là Pháp niệm trú.

Trí, bốn loại chỉ là Thế tục trí, Tha tâm trí thông nếu hữu lậu là Thế tục trí và Tha tâm trí, nếu vô lậu là Pháp trí-Loại trí-Đạo trí và Tha tâm trí.

Tam-ma-địa đi cùng, bốn loại không phải là Tam-ma-địa đi cùng, Tha tâm trí thông nếu hữu lậu thì cũng không phải là Tam-ma-địa đi cùng, nếu vô lậu thì đi cùng với Tam-ma-địa Vô nguyện thuộc Đạo.

Căn tương ứng, dựa vào chủng loại thì nói là tương ứng với ba căn,

đó là Lạc căn-Hỷ căn và Xả căn.

Đời, năm loại đều rơi vào ba đời, bốn loại trước thì quá khứ duyên với quá khứ, hiện tại duyên với hiện tại, vị lai nếu sinh khởi thì duyên thì duyên với vị lai, không sinh khởi thì duyên với ba đời. Túc trú tùy niệm trí thông, quá khứ và hiện tại duyên với quá khứ, vị lai duyên với ba đời.

Thiện..., Thiên nhân thông-Thiên nhĩ thông là vô ký duyên với ba loại, Thần cảnh trí thông là thiện thì duyên với vô ký, còn lại là thiện thì duyên với ba loại.

Hệ thuộc cõi Dục..., bốn loại là hệ thuộc cõi Sắc, duyên với hệ thuộc cõi Dục-Sắc; Tha tâm trí thông là hệ thuộc cõi Sắc và không hệ thuộc, duyên với hệ thuộc cõi Dục-Sắc và không hệ thuộc.

Học..., bốn loại là Phi học phi vô học, duyên với Phi học phi vô học; Tha tâm trí thông là Học-Vô học và Phi học phi vô học, duyên với Học-Vô học và Phi học phi vô học.

Do kiến mà đoạn..., ba loại là do tu mà đoạn, duyên với do tu mà đoạn; Tha tâm trí thông là do tu mà đoạn và không đoạn, duyên với do kiến-tu mà đoạn và không đoạn; Túc trú tùy niệm trí thông là do tu mà đoạn, duyên với do kiến-tu mà đoạn.

Duyên với danh-duyên với nghĩa, Túc trú tùy niệm trí thông duyên chung với danh và nghĩa, bốn loại còn lại chỉ duyên với nghĩa.

Duyên với Tự tướng tục..., Tha tâm trí thông chỉ duyên với Tha tướng tục, bốn loại còn lại duyên chung với Tự-Tha tướng tục và Phi tướng tục.

Về gia hạnh đắc và ly nhiễm đắc.

Hỏi: Năm Thông này là gia hạnh đạt được, hay là lìa nhiễm đạt được? Nếu gia hạnh đạt được thì chương Trí Uẩn đã nói làm sao thông hiểu? Như nói: “Nếu thành tựu Tha tâm trí hiện tại, thì cũng thành tựu quá khứ- vị lai chăng?”

Đáp: Đúng như vậy.” Nếu lìa nhiễm đạt được thì trong Uẩn này nói làm sao thông hiểu? Như nói: “Dùng đạo vô gián chứng Thần cảnh trí thông, thì Niệm trú hiện tại tu một, vị lai tu bốn..., không phải là có vị lai tu khởi lên trước lúc đạt được.”

Đáp: Có người nói: Chỉ có gia hạnh đạt được.

Hỏi: Chương Trí Uẩn đã nói làm sao thông hiểu?

Đáp: Văn ấy nên đưa ra cách nói này: Nếu thành tựu Tha tâm trí hiện tại, thì vị lai nhất định thành tựu, quá khứ nếu đã diệt không mất thì thành tựu, nếu chưa hẳn đã diệt hoặc là đã diệt mà mất thì không thành

tự. Nhưng mà không nói như vậy, là bởi vì thế lực đã dẫn dắt cho nên trả lời tóm lược toàn bộ. Có người nói: Chỉ có lìa nhiễm đạt được.

Hỏi: Trong Uẩn này trước đây đã nói làm sao thông hiểu?

Đáp: Có người nói: Trở lại điều hòa luyện tập pháp phần Bồ-đề chứ không phải là bắt đầu đạt được tu, bởi vì lúc bấy giờ chỉ làm cho pháp đã đạt được trước đây chuyển sang rõ ràng hơn.

Nói như vậy thì đều gồm chung gia hạnh đạt được và lìa nhiễm đạt được, trong Uẩn này chỉ nói về gia hạnh đạt được, chương Trí Uẩn chỉ nói về lìa nhiễm đạt được. Như vậy thì làm cho hai cách nói dễ dàng thông suốt.

Có người nói: Ở trong sự lìa nhiễm đạt được ấy, có lúc đã từng luyện tập, có lúc chưa từng luyện tập, chương Trí Uẩn nói về đã từng luyện tập, trong Uẩn này nói về chưa từng luyện tập, như vậy cũng làm cho hai cách nói dễ dàng thông suốt.

Lìa nhiễm đạt được, đó là do Tĩnh lực thứ nhất đã dẫn dắt phát khởi, lúc lìa nhiễm của cõi Dục thì đạt được, cho đến do Tĩnh lực thứ tư đã dẫn dắt phát khởi, lúc lìa nhiễm của Tĩnh lực thứ ba thì đạt được. Nếu các Thánh giả và dị sinh ở thân đời sau, thì cùng đạt được đã từng luyện tập-chưa từng luyện tập, còn lại chỉ đạt được chưa từng luyện tập. Lìa nhiễm đạt được rồi gia hạnh hiện rõ trước mắt, Phật không có gia hạnh, Độc giác gia hạnh bậc Hạ, Thanh văn hoặc là bậc Trung-hoặc là bậc Thượng. Vả lại, tùy theo đạo giải thoát lúc lìa nhiễm, thì pháp do tu mà đạt được đều là lìa nhiễm đạt được, nếu ở lúc khác mà tu đạt được thì đều là gia hạnh đạt được.

Hỏi: Ở nơi nào khởi lên?

Đáp: Cõi Dục-Sắc đều có thể khởi lên, trong cõi Dục chỉ có người và trời. Trong loài người chỉ có ba châu, gồm chung thân nam-thân nữ, dị sinh-Thánh giả, Học và Vô học đều có thể hiện khởi.

Hỏi: Các Thông là đạo vô gián thân nhiếp, hay là đạo giải thoát thân nhiếp? Nếu như đạo vô gián thân nhiếp, thì kinh đã nói làm sao thông hiểu? Như nói: “Phân một làm nhiều, hợp nhiều làm một”. Không phải là đạo vô gián trong một sát-na mà có sự việc như vậy. Nếu như đạo giải thoát thân nhiếp, thì luận Phẩm Loại Túc nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: “Thông là thế nào? Đó là Tuệ thiện.” Thiên nhãn thông-Thiên nhĩ thông-đạo giải thoát, là Tuệ vô ký vì sao gọi là Thông?

Đáp: Các Thông là đạo giải thoát thân nhiếp, như quả Sa-môn do đạo giải thoát thân nhiếp chứ không phải là đạo vô gián; ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Luận Phẩm Loại Túc nói nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Luận ấy đã nói về Thông cùng với luận này nói khác nhau. Luận ấy nói Tuệ thiện đều gọi là Thông, bởi vì nói tất cả các pháp đều là do Thông mà đạt được; trong này đã nói Tuệ thù thắng gọi là Thông, Thông này hoặc là thiện, hoặc là vô ký.

Thông và Tuệ thiện có thể làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc là Thông mà không phải là Tuệ thiện, đó là Thiên nhãn thông-Thiên nhĩ thông.

2. Có lúc là Tuệ thiện mà không phải là Thông, đó là trừ ra Thông, còn lại Tuệ thiện.

3. Có lúc là Thông mà cũng là Tuệ thiện, đó là bốn Thông còn lại.

4. Có lúc không phải là Thông mà cũng không phải là Tuệ thiện, đó là trừ ra tướng trước.

Hỏi: Năm Thông này là như thuyết mà sinh khởi, hay là không phải như vậy?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Như thuyết mà sinh khởi, đó là Thần cảnh trí thông khởi lên trước cho nên Đức Phật nói trước, cho đến Túc trú tùy niệm trí thông khởi lên sau cho nên Đức Phật nói sau. Nghĩa là lúc ấy nghe về trời cõi Sắc mà không có thể đi đến, cho nên trước tiên khởi lên Thần cảnh thông để đi đến; mà không có thể nhìn thấy sắc của họ, cho nên tiếp tục khởi lên Thiên nhãn thông để nhìn thấy; mà không có thể nghe được lời nói của họ, cho nên tiếp tục khởi lên Thiên nhĩ để nghe được; mà không có thể biết được tâm của họ, cho nên tiếp tục khởi lên Tha tâm thông để biết tâm của họ; biết tâm của họ rồi mà chưa biết đời trước đã từng gặp nhau hay không, cho nên sau cuối khởi lên Túc trú thông. Đức Thế Tôn dựa vào thứ tự này mà nói.

Nói như vậy thì thứ tự không có nhất định, nghĩa là hoặc trước tiên khởi lên Thần cảnh thông, cho đến hoặc là trước tiên khởi lên Túc trú thông; hoặc có người chỉ đạt được Thần cảnh thông, như Thiên Thụ...; hoặc có người chỉ đạt được Thiên nhãn thông, như Thiện Tinh... Vì vậy, các Thông không có sự tiến vào theo chiều thuận-tiến vào theo chiều nghịch, cũng không có vượt qua thứ tự như các Đẳng chí, hoặc là như Vô lượng-Giải thoát-Thắng xứ-Biến xứ.

Hỏi: Lúc tu khởi lên Thần cảnh thông-Thiên nhãn thông, cùng có ánh sáng thì điều này có gì khác nhau?

Đáp: Nếu do tu Thần cảnh thông mà dẫn đến ánh sáng, thì hoặc là do biến hóa đã làm ra, hoặc là do tự tánh vốn có. Nếu do tu Thiên

nhãn thông mà dẫn đến ánh sáng, thì không phải là do biến hóa đã làm ra, mà chỉ do tự tánh vốn có.

